

Bản án số: 173/2024/HSST
Ngày 12-06-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thúy Hảo

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc T1 – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2023/HSST ngày 02 tháng 04 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 04 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HS ngày 10 tháng 05 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Ngô Thị T, sinh ngày 10-06-1995 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nữ; Nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ở hiện nay: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định và bà Ngô Thị L1; chung sống như vợ chồng với Phạm Thành Đ, có một con sinh năm 2021; Tiền sự - Tiền án: không; Bị bắt ngày 25-06-2023, thay đổi biện pháp ngăn chặn áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 76/LC-Đ2 ngày 04-07-2023 (bị cáo tại ngoại – có mặt).

2. Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19-11-2002 tại tỉnh Cà Mau; giới tính: Nam; Nơi thường trú: Số nhà A, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T2 và bà Ngô Thị Thu V; Tiền sự - Tiền án: không; Bị bắt ngày 24 tháng 06 năm 2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bị cáo có mặt).

Bị hại: Bùi Ngọc T3, sinh năm 1961 – Địa chỉ: Số A H, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 4-2023, một người phụ nữ tên H (chưa xác định được nhân thân) là bạn của Ngô Thị T (quen biết khi T còn làm việc tại thành phố V) rủ T đi uống cà phê tại Đồng Tháp. Khi nói chuyện H kể về việc ông Bùi Ngọc T3 là người có tiền, thích cặp bồ nên H rủ T đặt mua máy camera quay lén chuyện ngoại tình rồi tổng tiền ông ta. Do đang nuôi con nhỏ, bố mẹ cần tiền chữa bệnh nên T đồng ý với H. H nói T tìm mua một chiếc camera nguy trang để giấu trong phòng ngủ, H sẽ tìm cách quay lại việc ngoại tình của ông T3 rồi giao lại cho T để cắt thành các hình ảnh, H sẽ cho T số điện thoại ông T3 để đến lúc đó T gọi, nhắn tin cho ông T3 đe dọa đòi tiền chuộc lại clip ngoại tình của ông T3. H chở T về lại nhà và dặn T khi nào mua được camera hãy báo cho H.

T không dám liên lạc tổng tiền, cũng không biết mua camera ở đâu, loại nào nên gọi rủ Nguyễn Hoàng L (em họ của T) tham gia cùng, hứa chia tiền và nhờ L đặt mua camera, L đồng ý. Sự việc này T nói lại với H và H đồng ý. L đặt mua một camera nguy trang hình sập thom màu xanh giá hơn 3.000.000 đồng trên mạng internet và gửi về địa chỉ nhà của T (L góp cho T 2.000.000 đồng để trả tiền mua camera). Nhận được camera, T báo cho H biết, H kêu T kiếm thêm người theo dõi ông T3, biết địa chỉ để phòng trường hợp nhắn tin, gọi điện ông T3 không trả lời thì gửi hình ảnh đến nhà, nơi làm việc của ông T3 và dặn khi nào H kêu thì T lên thành phố V gặp. T có nhờ L tìm người nhưng phải giữ bí mật chỉ nói là vợ ông T3 nhờ theo dõi việc ông T3 ngoại tình. L cho T số điện thoại của Ngô Trí T4 ở thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để nói chuyện. T nhờ T4 đi theo ông T3 để biết ông T3 ở đâu, thấy đến chỗ nào lâu lâu thì chụp hình gửi cho T và hứa trả công cho T4 1.000.000 đồng.

Vài ngày sau, người phụ nữ tên H gọi T lên thành phố V thuê phòng tại Khách sạn P1 địa chỉ số 09 đường H, phường A, thành phố V và dặn cho người theo dõi chờ sẵn trước khách sạn. Ngày 09-05-2023, T đón xe lên thành phố V rồi thuê phòng số 607 tại khách sạn P1, lấy được phòng T gọi cho H biết, một lúc sau H đến. H nói T đưa camera đã mua ra thử xem có hoạt động không, đồng thời tải phần mềm để xem chỉnh sửa góc quay. Kiểm tra xong, H nói T đi xuống sảnh chờ khi nào ông T3 ra thì sẽ báo cho T biết để cho người đi theo. T xuống sảnh khách sạn chờ khoảng hơn nửa tiếng thì H gọi báo T biết ông T3 đang đi ra khách sạn, đội nón màu xanh, mặc áo sơ mi kẻ sọc. Xác định được ông T3, T gọi cho T4 nói T4 đi theo ông T3 và chụp lại chỗ ông T3 đi.

T lên lại phòng 607 gặp H, H dẫn T tìm chỗ nghỉ đi rồi chờ vài hôm xong việc sẽ báo T và mang theo camera bỏ về trước. T ở lại khách sạn một lúc rồi về áp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ở nhờ nhà dì của mình là bà Ngô Thị Thu V (mẹ của L). T4 theo dõi người đàn ông bước ra khỏi khách sạn P đi theo đến cổng vào khu dự án Quần thể nghỉ dưỡng T, Phường A, thành phố V thì T4 chụp ảnh gửi qua zalo cho T biết.

Vài hôm sau, H gọi T quay lại thành phố V gặp H tại khu vực B thành phố V. H đưa camera cho T và nói rằng H đã quay được clip nhạy cảm của ông T3. H nói T đưa camera cho L kiểm tra lại clip có quay được không, nếu có thì cắt ra ảnh nào rõ mặt ông T3 để tổng tiền ông T3. H đưa cho T số điện thoại của ông T3 và dặn ban đầu thử đòi một ít tiền xem thái độ ông T3 ra sao nhưng không bàn bạc cụ thể với T là phải đòi bao nhiêu tiền, việc đó giao T và L tự thống nhất, xử lý.

T không biết cách coi lại clip trong thẻ nhớ của camera nên đã tháo thẻ nhớ trong camera gửi cho L ở Campuchia. Sau khi nhận được thẻ nhớ do T gửi, L chuyển toàn bộ dữ liệu trên thẻ nhớ vào máy tính ở chỗ làm tại Campuchia để thực hiện thao tác cắt hình ảnh, L cắt được hai tấm ảnh từ clip trong thẻ nhớ trong đó một tấm là hình người con gái khoảng 20 – 25 tuổi không thấy được mặt đang thay đồ và tấm còn lại là người đàn ông khoảng 50 – 60 tuổi mà theo L và T cho rằng đó là ông T3 được phóng to thấy từ phần ngực trở lên đang trong tình trạng không mặc áo. L đã chuyển 2 tấm ảnh vào điện thoại Iphone 14 Pro của mình, còn đoạn clip thì L chuyển lại toàn bộ vào một chiếc thẻ nhớ khác tìm thấy tại chỗ làm để mang về lại Việt Nam giao cho T quản lý, còn lại tất cả dữ liệu liên quan clip đã được L xóa bỏ hoàn toàn nhằm tránh cho người khác biết.

Khi trở về lại Việt Nam, L và T thương lượng sẽ đòi ông T3 số tiền là 40.000.000 đồng, tránh việc đòi nhiều tiền ông T3 không đồng ý sẽ báo công an, T có báo lại cho H biết việc này và H đồng ý. L mua và sử dụng nhiều sim điện thoại để gọi điện, nhắn tin cho ông T3 với nội dung đang giữ hình ảnh, clip về việc ông T3 ngoại tình, nếu không muốn bị phát tán thông tin thì phải chuyển tiền cho L.

Do không thấy ông T3 thực hiện theo yêu cầu, nghĩ là ông T3 không tin những gì L nói nên đến ngày 05-6-2023, L nhờ T4 chở qua thành phố V đến trước công dự án Quần thể nghỉ dưỡng T thuộc Phường A, thành phố V. L đi vào gửi bảo vệ một tệp hồ sơ đựng các bức ảnh đã in sẵn trước đó nhằm cảnh cáo ông T3 biết nếu không giao tiền thì sẽ phát tán. Sau đó, khoảng cuối tháng 5 đến giữa tháng 6 năm 2023, L dùng nhiều số điện thoại, trong đó có số điện thoại 0919445932 và tài khoản zalo Châu Bay B nhắn tin, gọi vào số điện thoại của ông T3, đồng thời cũng gửi ảnh đã in tới nơi ông T3 làm việc để đe dọa, uy hiếp tinh thần, yêu cầu ông T3 đưa 40.000.000 đồng. Do sợ ảnh hưởng đến danh

dự, uy tín của bản thân nên ông T3 đã thực hiện chuyển tiền cho L hai lần vào ngày 13-05-2023 và ngày 22-06-2023 với số tiền 10.000.000 đồng và 5.000.000 đồng. L đã rút lấy 10.000.000 đồng, L đưa cho T 1.900.000 đồng tiền mặt, trả nợ giúp T 1.000.000 đồng, trả T4 1.000.000 đồng tiền công theo dõi, còn lại L tiêu xài cá nhân (số tiền 5.000.000 đồng ông T3 chuyển ngày 22-6-2023 L không nhận được). T đã thông báo cho H và hỏi H có lấy tiền không thì H nói T cứ giữ đi, khi nào lấy được hết số còn lại thì chia cho H sau.

Quá trình điều tra, ông Bùi Ngọc T3 xác định hình ảnh người đàn ông không mặc áo mà L dùng để uy hiếp là ảnh cắt ghép, chỉnh sửa, ông T3 khẳng định người trong ảnh không phải ông T3, đồng thời ông T3 không biết người phụ nữ trong hình mà L gửi là ai. Ông T3 có thường xuyên đến khách sạn P1 địa chỉ số 09 đường H, phường A, thành phố V để ăn sáng, uống cà phê, gặp đối tác, khách hàng nhưng chưa bao giờ thuê phòng tại đây nên không thể có ảnh ông T3 tại phòng của khách sạn. Ông T3 buộc phải đưa tiền vì sợ bị phát tán những hình ảnh này sẽ gây hiểu lầm, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của ông T3.

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra thẻ nhớ mà L lưu đoạn clip mang từ Campuchia về giao cho T, T giấu trong bát nhang bàn thờ thu giữ ở nhà L tại xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tuy nhiên thẻ nhớ đã hư không thể truy cập dữ liệu bên trong.

Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định phục hồi dữ liệu. Kết quả giám định số 5696/KL-KTHS ngày 20-11-2023 của Phân viện Khoa học hình sự Thành phố H kết luận không phục hồi, trích xuất được dữ liệu trong mẫu vật cần giám định.

Ngày 15-6-2023, ông T3 ủy quyền cho anh Nguyễn Đức T5 đến Cơ quan điều tra trình báo vụ việc, Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp Nguyễn Hoàng L. Thấy L bị bắt, T lo sợ nên cả hồng thẻ nhớ, cất giấu và vứt camera. Ngày 25-06-2023, Ngô Thị T ra đầu thú.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng L và Ngô Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Đối tượng tên H, quá trình liên lạc chỉ trao đổi với T qua ứng dụng trò chuyện của Facebook, sau khi nhận được thông tin từ T về việc L đã bị công an bắt thì H yêu cầu T xóa mọi thông tin, liên lạc, hủy kết bạn Facebook với T và phải vứt chiếc điện thoại T đã sử dụng liên lạc với H, nên T đã vứt điện thoại đã sử dụng để liên lạc với H. Do chưa xác định được nhân thân của đối tượng này, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau theo quy định pháp luật.

Đối tượng Ngô Trí T4 không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau theo quy định pháp luật. Đối tượng tên H1 đã

rút tiền và chuyển khoản giúp L nhưng không biết hành vi thực hiện tội phạm của T và L nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự.

Bản cáo trạng số 365A/CT-VKSTPVT ngày 02-04-2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Hoàng L và Ngô Thị T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo L mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam, xử phạt bị cáo T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù giam.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố V và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo xác định vào khoảng tháng 5 năm 2023, các bị cáo cùng một người phụ nữ tên H (chưa xác định được nhân thân) đã thực hiện hành vi sử dụng những hình ảnh nhạy cảm nhằm uy hiếp tinh thần của bị hại mục đích chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các đương sự trong vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét các bị cáo mặc dù trên thực tế mới chỉ chiếm đoạt được số tiền 15.000.000 đồng của bị hại nhưng hành vi cưỡng đoạt tài sản có cấu thành tội phạm hình thức nên có đủ chứng cứ chứng minh ý thức chủ quan của các bị cáo

nhằm mục đích chiếm đoạt của bị hại số tiền cụ thể 40.000.000 đồng. Xét bị cáo T đã biết trước nhân thân của bị hại Bùi Ngọc T3 nên đã lựa chọn mục tiêu theo dõi bị hại trong thời gian dài với thủ đoạn tinh vi, mục đích chiếm đoạt tài sản; các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc thống nhất trước việc thực hiện hành vi tội phạm, với sự giúp sức của nhiều đối tượng khác. Vì vậy, hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung hình phạt: Phạm tội có tổ chức.

[3]. Xét vai trò các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án đối tượng tên H là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, cung cấp các thông tin nhân thân của bị hại cho bị cáo T. Tuy nhiên do chưa bắt được đối tượng này để tiến hành điều tra, đối chất với bị cáo T xác định sự thật. Nên bị cáo T vẫn là người có vai trò tổ chức, rủ rê bị cáo L tham gia với vai trò giúp sức tích cực. Bị cáo L trực tiếp liên hệ bị hại yêu cầu đòi tiền, nhận tiền. Xem xét vai trò từng bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội và tương ứng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại quyền sở hữu tài sản và danh dự, uy tín của công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, nhằm giáo dục cải tạo riêng đôi với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T tự giác ra đầu thú, nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T đang có thai nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt:

Xét bị cáo T được áp dụng ba tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; đang có thai nhưng túi thai đang bị bóc tách khoảng 50% nên cơ quan chuyên môn yêu cầu nhập viện điều trị, nghỉ ngơi; bản thân bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, có khả năng tự cải tạo; đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (văn bản hợp nhất) nên không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo L được áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, trong vụ án bị cáo có vai trò giúp sức, nên quyết định

hình phạt đối với bị cáo L thấp hơn mức hình phạt đối với bị cáo T và xử phạt bị cáo L hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro có Imei: 355001504702431, là tài sản hợp pháp của bị cáo L, nhưng sử dụng làm phương tiện liên lạc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A93 có Imei 1: 868057057339492, là tài sản hợp pháp của bị cáo T, nhưng sử dụng làm phương tiện liên lạc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại xác định các bị cáo đã bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Thị T, Nguyễn Hoàng L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 170; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50; Điều 65; khoản 1 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 19 Luật Thi hành án hình sự;

- Xử phạt **Ngô Thị T** 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12-06-2024.

- Giao bị cáo Ngô Thị T cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

3. Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 54, Điều 38; khoản 1 Điều 17; Điều 58 Bộ

luật hình sự; Xử phạt: **Nguyễn Hoàng L** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 06 năm 2023.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Imei: 355001504702431; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A93 Imei 1: 868057057339492.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 122/BB-CCTHADS ngày 04- 03-2024.

4. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. V;
- Công an TP. V;
- Thi hành án dân sự TP. V;
- Nhà tạm giữ Công an TP. V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo